

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ PHƯỚC GIANG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Phước Giang, năm 2025

Số: 90/BC-UBND

Phước Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THUYẾT MINH
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 XÃ PHƯỚC GIANG

1. Căn cứ pháp lý

- Thực hiện Luật Đất đai năm 2024 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31//2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
- Nghị Quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính các xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024;
- Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”;

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Công văn số 9344/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 619/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 24/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 08/BNNMT-QLĐĐ ngày 05/3/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thuyết minh nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và đẩy nhanh tiến độ kiểm kê đất đai năm 2024;

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024;

- Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Định mức Kinh tế - Kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 5531/UBND-KTN ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 3945/UBND-KTN ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 4007/UBND-KTN ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 5149/UBND-KTN ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề năm 2024;

- Công văn số 590/UBND-KTN ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 1183/UBND-KTN ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thuyết minh nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và đẩy nhanh tiến độ kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 6080/STNMT-VPĐKĐ ngày 03/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 6950/STNMT-VPĐKĐ ngày 12/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định;

- Công văn số 3950/STNMT-QLĐĐ ngày 19/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 các xã, thị trấn và huyện Nghĩa Hành;

- Công văn số 279/UBND ngày 13/02/2025 về việc chủ trương thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành;

- Công văn số 3617/SNNMT-VPĐKĐ ngày 10/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc khẩn trương thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã;

- Công văn số 3947/BNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 116/UBND-NNMT ngày 08/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các xã sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 485/SNNMT-QLĐĐ ngày 16/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 1593/UBND-NNMT ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Khái quát về vị trí địa lý

Xã Phước Giang được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của các xã Hành Dũng, Hành Nhân và Hành Minh, thuộc huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 vào năm 2025, tiếp giáp với các xã sau:

- Phía Đông giáp: Xã Nghĩa Hành và xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Tây giáp: Xã Trà Giang và xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Nam giáp: Xã Thiện Tín và xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Bắc giáp: Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng diện tích tự nhiên là 5.701,12 ha, chiếm 0,38% diện tích tự nhiên của tỉnh.

3. Khái quát về tình hình quản lý đất đai của địa phương

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia. Vấn đề quản lý sử dụng đất đai một cách hợp lý và có hiệu quả luôn được quan tâm, để quản lý và sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ tốt nhất quyền và lợi ích của người dân trên địa bàn xã.

Thực tiễn trong những năm qua cho thấy, chính quyền địa phương đã thực hiện thẩm quyền quản lý đất đai của mình trên cơ sở quy định của pháp luật. Các chính sách đất đai bước đầu phát huy hiệu quả, đất đai được sử dụng ngày càng có hiệu quả, tiết kiệm hơn, tiềm năng đất đai đã được khai thác phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và yêu cầu cân bằng hệ sinh thái, bảo vệ môi trường.

4. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất trong các nhóm đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã đến ngày 31/12/2024 là 5.701,12 ha.

Trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 4.810,54 ha, chiếm 84,38% diện tích tự nhiên;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 814,42 ha, chiếm 14,29% diện tích tự nhiên;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 76,17 ha, chiếm 1,34% diện tích tự nhiên.

4.1. Nhóm đất nông nghiệp (NNP):

Được thể hiện qua Biểu số: 01/TKKK, 04/TKKK cho thấy tổng diện tích đất nông nghiệp toàn xã là 4.810,54 ha, chiếm 84,38% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- + Đất trồng lúa: 812,41 ha, chiếm 14,25% so với DTTN;
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 1.299,37 ha, chiếm 22,79% so với DTTN;
- + Đất trồng cây lâu năm: 641,45 ha, chiếm 11,25% so với DTTN;
- + Đất rừng sản xuất: 2.054,74 ha, chiếm 36,04% so với DTTN;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,46 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;
- + Đất chăn nuôi tập trung: 2,11 ha, chiếm 0,04% so với DTTN;

4.2. Nhóm đất phi nông nghiệp (PNN):

Được thể hiện qua Biểu số: 01/TKKK, 04/TKKK cho thấy tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn xã là 814,42 ha, chiếm 14,29% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- + Đất ở tại nông thôn: 291,37 ha, chiếm 5,11% so với DTTN;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,11 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 17,59 ha, chiếm 0,31% với DTTN;
- trong đó:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 4,16 ha, chiếm 0,07% so với DTTN;
 - Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,35 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;
 - Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: 6,83 ha, chiếm 0,12% so với DTTN;
 - Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: 6,25 ha, chiếm 0,11% so với DTTN;
 - + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 17,45 ha, chiếm 0,31% so với DTTN;
 - Đất cụm công nghiệp: 10,17 ha, chiếm 0,18% so với DTTN.
 - Đất thương mại, dịch vụ: 1,30 ha, chiếm 0,02% so với DTTN.
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 5,99 ha, chiếm 0,11% so với DTTN.
 - + Đất có mục đích công cộng: 295,88 ha, chiếm 5,19% so với DTTN;
- trong đó:
- Đất giao thông: 158,30 ha, chiếm 2,78% so với DTTN;

- Đất thủy lợi: 124,28 ha, chiếm 2,18% so với DTTN;
- Đất công trình cấp thoát nước: 0,30 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 0,58 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;
- Đất công trình xử lý chất thải: 9,20 ha, chiếm 0,16% so với DTTN;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,12 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,06 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 1,10 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,94 ha, chiếm 0,03% so với DTTN;
- + Đất tôn giáo: 1,30 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;
- + Đất tín ngưỡng: 2,02 ha, chiếm 0,04% so với DTTN;
- + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: 99,82 ha, chiếm 1,75 % so với DTTN;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 87,12 ha, chiếm 1,54% so với DTTN;
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,13 ha.

4.3. Nhóm đất chưa sử dụng (CSD): 76,17 ha, chiếm 1,34% so với DTTN;

- + Đất do Nhà nước thu hồi theo Quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê: 52,63 ha, chiếm 0,92% với DTTN;
- + Đất bằng chưa sử dụng: 20,85 ha, chiếm 0,37 % với DTTN;
- + Đất có mặt nước chưa sử dụng: 2,69 ha, chiếm 0,05% với DTTN.

5. Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất

Hiện trạng theo đối tượng sử dụng đất được trình bày ở Biểu 04/TKKK. Trong 5.701,12 ha đất tự nhiên bằng 100,00% thì Hộ gia đình, cá nhân trong nước (CNV) sử dụng 4.517,15 ha bằng 79,23% DTTN; Tổ chức kinh tế (TKT) sử dụng 17,36 ha bằng 0,30% DTTN; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN) sử dụng 236,58 ha bằng 4,15% DTTN; Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN) sử dụng 7,18 ha bằng 0,13% DTTN; Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG) sử dụng 1,30 ha bằng 0,02% DTTN; Cộng đồng dân cư (CDS) sử dụng

2,02 ha bằng 0,04% DTTN; Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ) quản lý 685,75 ha bằng 12,03% DTTN; Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ) quản lý 233,79 ha bằng 4,10% DTTN.

5.1. Hiện trạng theo đối tượng sử dụng đất:

- Đối với Cá nhân trong nước(CNV):

+ Diện tích nhóm đất nông nghiệp: 4.235,47 ha, chiếm 88,05% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp: 281,68 ha, chiếm 34,59% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- **Đối với Tổ chức kinh tế (TKT):** Diện tích đất phi nông nghiệp: 17,36 ha, chiếm 2,13% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đối với Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN):

+ Diện tích nhóm đất nông nghiệp: 114,24 ha, chiếm 2,38% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp: 122,34 ha, chiếm 15,02% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đối với Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN):

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 7,18 ha, chiếm 0,13% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- **Đối với Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG):** Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,30 ha, chiếm 0,16% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đối với Cộng đồng dân cư (CDS):** 2,02 ha, chiếm 0,25% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

5.2. Hiện trạng theo đối tượng được giao quản lý đất:

- **Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ):**

+ Diện tích đất nông nghiệp: 289,15 ha, chiếm 6,01% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 370,67 ha, chiếm 45,51% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

+ Diện tích đất chưa sử dụng: 25,93 ha, chiếm 34,04% so với diện tích đất chưa sử dụng.

- Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ):

+ Diện tích đất nông nghiệp: 171,68 ha, chiếm 3,57% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 11,87 ha, chiếm 1,46% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

+ Diện tích đất chưa sử dụng: 50,24 ha, chiếm 65,96% so với diện tích đất chưa sử dụng.

6. So sánh, phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng đất của kỳ kiểm kê đất đai với kỳ kiểm kê đất đai liền trước

Tổng diện tích tự nhiên kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 5.702,26 ha.

Tổng diện tích tự nhiên kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là: 5.701,12 ha.

Như vậy, tổng diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với tổng diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,14 ha.

6.1. Nhóm đất nông nghiệp (NNP):

Tổng diện tích đất nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: 4.810,54 ha.

Tổng diện tích đất nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019: 4.882,12 ha.

Như vậy, diện tích đất nông nghiệp toàn xã kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 giảm 71,58 ha, chi tiết theo số liệu chuyển các loại đất cụ thể như sau:

6.1.1 Đất trồng lúa (LUA):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 812,41 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 839,30 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 26,89 ha, trong đó:

+ Giảm 8,00 ha do chuyển sang đất ở nông thôn trong đó 7,43 ha để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành và 0,57 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân;

+ Giảm 0,12 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,78 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định; Khu tái định cư đồng An Sơn;

+ Giảm 0,53 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình khu tái định cư đồng An Sơn;

+ Giảm 4,94 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 1,39 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,29 ha do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,51 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 14,17 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê trong đó 8,76 ha để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); 4,52 ha để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích và 0,89 ha để xây dựng công trình Cầu Hành Dũng - Hành Nhân, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Tăng khác 3,83 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.1.2. Đất trồng cây hằng năm khác (HNK):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1.299,37 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1.284,89 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 14,48 ha, trong đó:

+ Giảm 1,67 ha do chuyển sang đất chăn nuôi tập trung để thực hiện công trình Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả;

+ Giảm 8,55 ha do chuyển sang đất ở nông thôn trong đó 6,73 ha để thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân, 1,22 ha để thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân và 0,60 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định; khu tái định cư đồng An Sơn; di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,56 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 3,77 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,03 ha ; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,23 ha ; đất công trình giao thông 1,96 ha ; đất công trình thủy lợi 0,13 ha ; đất công trình cấp nước, thoát nước 0,03 ha ; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,38 ha ; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,94 ha ; Đất phi nông nghiệp khác 0,07 ha để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá ;

+ Giảm 0,14 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,13 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 19,66 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất

thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích), Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025 (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Dũng - Hành Nhân, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Tăng khác 48,95 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 641,45 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 702,08 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 60,63 ha, trong đó:

+ Giảm 0,28 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định;

+ Giảm 0,12 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,70 ha do chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng ; đất cơ sở lưu trữ tro cốt;

+ Giảm 0,44 ha do chuyển sang đất chăn nuôi tập trung để thực hiện công trình Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả

+ Giảm 0,08 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp để xây dựng cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

+ Giảm 7,86 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích), đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Dũng - Hành Nhân, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Giảm khác 51,15 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.1.4. Đất rừng sản xuất (RSX):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2.054,74 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2.051,55 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,19 ha, trong đó:

+ Giảm 10,07 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp để xây dựng cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

+ Tăng khác 13,25 ha do kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn xã theo Quyết định 152 ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 nên có sự chênh lệch tăng khác như trên.

6.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,46 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,53 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,07 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

6.1.6. Đất chăn nuôi tập trung (CNT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2,11 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2,11 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,67 ha ; đất trồng cây lâu năm 0,44 ha để thực hiện công trình Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả.

6.1.7. Đất nông nghiệp khác (NKH):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,00 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,77 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm khác so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,77 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2. Nhóm đất phi nông nghiệp (PNN):

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: 814,42 ha.

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019: 787,11 ha.

Như vậy, diện tích đất phi nông nghiệp toàn xã kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 tăng 27,31 ha, chi tiết theo số liệu chuyển đổi các loại đất cụ thể như sau:

6.2.1. Đất ở tại nông thôn (ONT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 291,37 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 277,43 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 13,94 ha, trong đó:

+ Giảm 4,14 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Nhân - Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng 10,68 ha do lấy từ đất trồng lúa 8,00 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,60 ha, đất trồng cây lâu năm 0,28 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,62 ha; đất công trình giao thông 0,25 ha, đất công trình thủy lợi 0,23 ha, đất bằng chưa sử dụng 0,06 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,64 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành; Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân; Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Tăng 7,95 ha do lấy từ đất trồng cây hằng năm khác sang đất ở nông thôn để thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân.

+ Giảm 0,02 ha do chuyển sang đất công trình giao thông;

+ Giảm khác 0,53 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.2. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,11 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2,34 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,23 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,90 ha; đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0,33 ha.

6.2.3. Đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 4,16 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 4,08 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,08 ha, trong đó:

+ Tăng 0,17 ha do lấy từ các loại đất khác sang: Đất trồng lúa 0,12 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,12 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha để thực hiện công trình như: Khu tái định cư Đồng Giá, Di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành.

- + Giảm khác 0,09 ha do cập nhật lại theo ranh của cơ sở dữ liệu đất đai.

6.2.4. Đất xây dựng cơ sở y tế (DYT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,35 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,35 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

6.2.5. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 6,83 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 6,58 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,26 ha do chuyển 0,23 ha từ Đất trồng cây hằng năm khác và 0,03 ha từ Đất công trình giao thông.

6.2.6. Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (DTT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 6,25 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 5,31 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,94 ha, trong đó:

+ Tăng 0,80 ha do lấy đất trồng lúa 0,78 ha, đất công trình giao thông 0,01 ha, đất công trình thủy lợi 0,01 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn.

+ Tăng 0,9 ha lấy từ đất xây dựng trụ sở cơ quan.

+ Giảm 0,80 ha do chuyển sang đất ở nông thôn 0,62 ha, đất công trình giao thông 0,12 ha, đất công trình thủy lợi 0,03 ha và đất phi nông nghiệp khác 0,03 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Tăng khác 0,04 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.7. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (CSK):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 17,45 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 6,75 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,70 ha, trong đó:

6.2.7.1. Đất cụm công nghiệp (SKN):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 10,17 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,17 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,08 ha, đất rừng sản xuất 10,07 ha và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,02 ha để thực hiện công trình Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

6.2.7.2. Đất thương mại, dịch vụ (TMD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,30 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,74 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,56 ha do lấy đất trồng lúa 0,53 ha, đất công trình giao thông 0,01 ha ; đất bằng chưa sử dụng 0,01 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn.

+ Giảm khác 0,01 ha do điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.7.3. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 5,99 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 6,01 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,02 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp để thực hiện công trình Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

6.2.8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng (CCC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 295,88 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 288,43 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 7,45 ha, trong đó:

6.2.8.1. Đất công trình giao thông (DGT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 158,30 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 155,08 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,22 ha, trong đó:

+ Tăng 2,43 ha do lấy mục đích từ các loại đất sau : Đất trồng cây hằng năm khác 1,96 ha ; đất ở tại nông thôn 0,02 ha ; đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,12 ha ; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,32 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Giảm 1,47 do chuyển sang các loại đất sau : Đất ở tại nông thôn 0,09 ha ; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,03 ha ; đất công trình thủy lợi 0,01 ha ; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,11 ha ; đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa thuê 1,23 ha để thực hiện các công trình như : Đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021-2025, Khu tái định cư Đồng Giá, Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức ;

+ Giảm 0,14 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao;

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định;

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi để thực hiện công trình công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 1,28 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích), đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Nhân - Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng 6,56 ha do lấy từ đất trồng lúa 4,94 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,56 ha, đất trồng cây lâu năm 0,12 ha, đất công trình thủy lợi 0,52 ha, Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,01 ha, đất bằng chưa sử dụng 0,41 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm khác 2,80 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.8.2. Đất công trình thủy lợi (DTL):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 124,28 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 122,42 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,86 ha, trong đó:

+ Giảm 0,23 ha chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá; Khu tái định cư đồng An Định;

+ Giảm 1,63 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; Cầu Hành

Dũng - Hành Nhân tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

+ Tăng 1,74 ha do lấy từ đất trồng lúa 1,39 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,27 ha, đất công trình giao thông 0,03 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,03 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành; Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao;

+ Giảm 0,53 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Sơn, di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng;

+ Tăng khác 2,55 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.8.3. Đất công trình cấp nước, thoát nước (DCT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,30 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,27 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,03 ha do chuyển từ đất trồng cây hằng năm khác thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá.

6.2.8.4. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (DDD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,58 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,58 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

6.2.8.5. Đất công trình xử lý chất thải (DRA):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 9,20 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 9,19 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,01 ha, trong đó:

+ Tăng 0,30 ha do lấy đất trồng lúa 0,29 ha, đất công trình thủy lợi 0,01 ha để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành.

+ Giảm khác 0,29 ha do điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.8.6. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (DNL):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,12 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,12 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

6.2.8.7. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (DBV):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,06 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,05 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng khác so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,01 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.8.8. Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối (DCH):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,10 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,71 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,38 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá.

6.2.8.9. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (DKV):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,94 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,94 ha, trong đó :

+ Tăng 1,89 ha do lấy từ đất trồng lúa 0,51 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,07 ha, đất công trình giao thông 0,14 ha, đất công trình thủy lợi 0,03 ha, đất bằng chưa sử dụng 0,02 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch,

suối 0,13 ha để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá, công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành.

+ Tăng khác 0,05 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.9. Đất tôn giáo (TON):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,30 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,30 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

6.2.10. Đất tín ngưỡng (TIN):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2,02 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2,09 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,07 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

6.2.11. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt (NTD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 99,82 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 100,49 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,67 ha, trong đó :

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Sơn.

+ Giảm 1,21 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng 0,70 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm;

+ Giảm khác 0,14 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.12. Đất có mặt nước chuyên dùng (TVC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 87,75 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 88,88 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,13 ha, trong đó :

6.2.12.1. Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 87,75 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 88,88 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,13 ha, trong đó:

+ Giảm 1,70 ha do chuyển sang các loại đất khác như : Đất ở tại nông thôn 0,64 ha ; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,02 ha ; đất công trình giao thông 0,32 ha ; đất công trình thủy lợi 0,02 ha ; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,13 ha ; đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha ; đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0,56 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá, Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, Cầu Hành Nhân - Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng khác 0,56 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.2.13. Đất phi nông nghiệp khác (PNK):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,13 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,06 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,07 ha, trong đó:

+ Tăng 0,11 ha do lấy từ các loại đất sang như : Đất trồng cây hàng năm khác 0,07 ha, đất xây dựng công trình thể thao 0,03 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,01 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá,...

+ Giảm khác 0,03 ha do điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.3. Nhóm đất chưa sử dụng (CSD):

Tổng diện tích đất chưa sử dụng kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: 76,17 ha;

Tổng diện tích đất chưa sử dụng kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019: 36,15 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 40,02 ha, trong đó:

6.3.1. Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê (CGT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 52,63 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 52,63 ha do chuyển mục đích từ các loại đất: Đất trồng lúa 14,17 ha ; đất trồng cây hằng năm khác 19,66 ha; đất trồng cây lâu năm 7,87 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,06 ha; đất ở tại nông thôn 4,14 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,33 ha ; đất công trình giao thông 2,51 ha; đất công trình thủy lợi 1,63 ha; đất tín ngưỡng 0,07 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1,21 ha, Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,56 ha, ; đất có mặt nước chưa sử dụng 0,31 ha đất bằng chưa sử dụng 0,12 ha để thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025; Cầu Hành Nhân - Hành Dũng; Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích.

6.3.2. Đất bằng chưa sử dụng (BCS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 20,86 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 22,24 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,38 ha, trong đó:

+ Giảm 0,06 do chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,01 do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định ;

+ Giảm 0,41 do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,02 do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng;

+ Giảm 0,12 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

+ Giảm khác 0,76 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.3.3. Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,00 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,79 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm khác so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,79 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

6.3.4. Đất có mặt nước chưa sử dụng (MCS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2,69 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,12 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,43 ha, trong đó:

+ Giảm 0,31 ha chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

+ Giảm khác 0,12 ha do cập nhật lại ranh giới khoanh đất theo cơ sở dữ liệu đất đai để đúng hiện trạng sử dụng đất.

Trên đây là báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Phước Giang.

Kính đề nghị các cấp xem xét kiểm tra nghiệm thu./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- TTĐU, TTHĐND xã Phước Giang (b/c);
- VP HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu:VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiên